

Tác động của hệ thống hoạch định nhân lực doanh nghiệp đến công tác kế toán tại các doanh nghiệp logistics ở Việt Nam

The impact of corporate human resource planning system on accounting at logistics enterprises in Vietnam

Trương Thành Lộc^{1*}

¹Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: truongthanhloc1122@gmail.com

THÔNG TIN

TÓM TẮT

DOI:10.46223/HCMCOUJS.
econ.vi.19.5.2646.2024

Ngày nhận: 13/02/2023

Ngày nhận lại: 05/06/2023

Duyệt đăng: 23/06/2023

Mã phân loại JEL:

M20; M21; M40; M41

Năng lực tổng hợp, hoạt động nhạy bén, cung cấp dữ liệu tài chính chính xác, hoạt động theo thời gian thực sẽ cho thấy được Enterprise Resource Planning (ERP) đã làm thay đổi những điều cơ bản và tăng hiệu suất của công tác tổ chức kế toán tại các Doanh Nghiệp (DN). Ý nghĩa của việc phát triển nghiên cứu này nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến Tổ Chức Công Tác Kế Toán (TCCTKT) tại các DN logistics ở Việt Nam khi sử dụng hệ thống ERP. Những kết quả đã được biên soạn và vận dụng các nghiên cứu thống kê mô tả (kiểm tra độ tin cậy thang đo, nghiên cứu EFA) để kiểm tra các giả thuyết được đề xuất dựa trên 200 phản hồi hợp lệ. Dựa theo phân thống kê kết quả cho thấy có tới sáu nhân tố tác động đến Tổ Chức Công Tác Kế Toán (TCCTKT) khi áp dụng ERP, bao gồm: Đặc trưng của đội ERP, khả năng của nhà cung cấp và tư vấn ERP, đặc trưng của ERP, đặc điểm doanh nghiệp, cam kết hỗ trợ từ lãnh đạo cao cấp và nguồn lực Công Nghệ Thông Tin (CNTT) đều là những yếu tố quan trọng. Hàm ý nghiên cứu là giúp DN và lãnh đạo quyết định có nên sử dụng ERP cho DN đặc biệt là bộ phận kế toán để củng cố vị thế của công ty và giảm bớt gánh nặng cho các phòng ban khác hay không.

ABSTRACT

The ability to synthesize, operate sensitively, provide financial information, and operate in real-time will show that Enterprise Resource Planning has changed the fundamentals and increased accounting efficiency in enterprises. This study aims to identify factors affecting accounting at logistics enterprises in Vietnam when applying ERP. The results were compiled, and descriptive statistical studies (scale reliability testing, EFA studies) were used to test the proposed hypotheses based on 200 valid responses. Based on the resulting statistics, there are six factors affecting accounting when applying ERP at logistics enterprises in Vietnam, including the characteristics of the ERP team, the ability of ERP consultants and providers, characteristics of ERP, business characteristics, Senior management's commitment to support and information technology resources are all critical factors. The study aims to help businesses and leaders decide whether to use ERP for the accounting department to strengthen the company's position and reduce the burden on other departments.

Từ khóa:

công tác kế toán; doanh nghiệp logistic; ERP; hoạch định nguồn lực

Keywords:

accounting work; enterprise logistics; ERP; resource planning

1. Giới thiệu

Nhiều nghiên cứu về việc sử dụng ERP đã được thực hiện trên khắp thế giới, tiêu biểu như là tác giả Mahraz, Benabbou, và Berrado (2020) đã có nghiên cứu: “Tổng hợp và phân tích các yếu tố thành công quan trọng đối với việc ứng dụng ERP”, thu được kết quả là các yếu tố: Cơ sở hạ tầng CNTT, Quản lý quy trình kinh doanh, Quản lý dự án, Nhóm dự án, Văn hóa, truyền thông và quản lý sự thay đổi, Đào tạo và giáo dục có tác động tới sự thành công của quá trình ứng dụng ERP; cũng theo một nghiên cứu của Pabustan và cộng sự (2021): “Phân tích tác động của ứng dụng ERP đến hoạt động kinh doanh tại SIA Engineering (Philippines) Corporation”, kết quả đã chỉ ra rằng Môi trường DN, Sự tác động của công nghệ, Đặc điểm DN, Chất lượng ERP có tác động đến việc DN vận hành kinh doanh bằng việc sử dụng ERP tại SIA Engineering (Philippines) Corporation. Và một nghiên cứu khác của tác giả Purwanti, Nurhayati, và Fauzi (2021), với đề tài: “Tác động của hệ thống hoạch định nguồn lực DN đối với hệ thống kiểm soát quản lý và hoạt động của DN” kết quả thu thập được bao gồm Kinh nghiệm và kỹ năng của những người điều hành DN, Tác dụng trung gian của quản lý chuỗi cung ứng và sự liên kết giữa hiệu quả tài chính và hoạch định nguồn lực ERP có tác động đến đến hệ thống kiểm soát điều hành cũng như là các hoạt động của DN.

Tại Việt Nam, cũng đã có những nghiên cứu về kế toán trong môi trường ERP có thể kể đến như nghiên cứu của Nguyen (2019) với đề tài: “Các yếu tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng ERP trong quản lý DN sản xuất tại các khu công nghiệp Việt Nam” thu được kết quả là có 06 yếu tố ảnh hưởng tới việc ứng dụng ERP trong kiểm soát hoạt động của DN sản xuất tại các khu công nghiệp Việt Nam là: Cam kết hỗ trợ của quản lý cấp cao, Nguồn lực CNTT, Năng lực của nhà tư vấn và nhà cung cấp ERP, Đội dự án ERP, Đặc điểm của DN; Tác giả Nguyen, T. T. M. (2021) đã có nghiên cứu: “Ảnh hưởng của ERP đến áp dụng kế toán quản trị trong các DN logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh” và thu được 05 yếu tố của ERP tác động tới việc sử dụng kế toán quản trị trong các DN logistics tại Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Chất lượng hệ thống, Chất lượng dịch vụ, Chất lượng chức năng kiểm soát của ERP, Sự ủng hộ từ các nhà lãnh đạo, Chất lượng thông tin. Cũng theo tác giả Trinh, Nguyen, Pham, và Bui (2020) đã có nghiên cứu: “Tác động của môi trường ERP đến việc tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại các DN logistics Thành phố Hồ Chí Minh”, thu được 06 yếu tố tác động bao gồm: Kinh nghiệm, phương pháp nhà tư vấn ứng dụng và chất lượng dữ liệu; Kiểm soát đảm bảo ERP tin cậy; Chất lượng ERP; Năng lực Ban quản lý và kiến thức nhà tư vấn ứng dụng; Thử nghiệm và huấn luyện nhân viên và Chính sách nhân sự và quản lý thông tin cá nhân.

Các nghiên cứu trước đã phần nào cho thấy hiện tại công tác kế toán đang chịu sự quyết định bởi hệ thống, quy trình và sự hiểu biết thấu đáo, kiến thức của nhân viên hay các nhà điều hành. Mọi nghiên cứu đã nêu trên đều khẳng định ERP tác động tích cực tới trạng thái, hoạt động của DN. Các tác giả cũng khẳng định chỉ khi kết hợp sự hiểu biết về quy trình và hệ thống kế toán tại DN thì ERP mới có thể đạt kết quả tốt. Tuy nhiên nhìn chung, chưa có thực nghiệm nào được triển khai hướng tới phân tích sự ràng buộc giữa hiệu quả ERP với công tác kế toán của DN.

2. Cơ sở lý thuyết và phát triển giả thuyết

Trước đây, hầu hết cách tổ chức triển khai ERP đều không coi trọng việc tích hợp kỹ thuật số vào các hoạt động và hoạch định các mục tiêu cần làm một cách có chiến lược, gây ra tình trạng không đủ nguồn nhân lực để sử dụng liên tục và thiếu kiến thức về ERP. Tuy nhiên về sau, xu hướng cạnh tranh gay gắt trong thị trường ép các DN phải thực sự hiểu sâu những hạn chế về quản lý, hoạt động, đưa ra biện pháp kiểm soát, sửa đổi để thu được năng suất công việc cao hơn. Ngày càng có nhiều DN và tổ chức cung cấp các bộ phận ERP (thường là SAP Business One, Oracle, Bravo, ...). ERP đã dần được đón nhận tích cực trong thị trường và được sử dụng rộng rãi tại

những DN lớn, đa ngành ở Việt Nam: Ngân hàng, sản xuất, du lịch, dược phẩm, thương mại, dịch vụ, thực phẩm và không thể thiếu là logistics.

Điều mà các quản lý cấp cao đã cam kết là những người đứng đầu của một tổ chức sẽ hỗ trợ và cùng tạo lên hệ thống quản lý chất lượng, và hơn thế nữa, những nhà quản lý này sẽ đảm bảo đầu tư đủ vốn lao động khi tiến hành (Nguyen, 2021). Những cam kết này đóng vai trò vô cùng tất yếu, tạo điều kiện xây dựng nên một môi trường để doanh nghiệp có thể vận hành thật linh hoạt, cho thấy được những nhà điều hành đã vô cùng chú ý tới cách vận hành sao cho hiệu quả. Hơn nữa, cam kết quản lý cấp cao là một hướng hỗ trợ nhất định cho các cấp thấp hơn, trong đó lợi ích chung của toàn bộ DN được cung cấp (Nguyen, 2010).

H1: Cam kết của quản lý cấp cao trong việc hỗ trợ có ảnh hưởng theo chiều dương đến công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP

CNTT được hiểu là một kết quả chứa đựng sự kết hợp giữa bộ óc sáng kiến của nhân loại và thành tựu khoa học, cho thấy được thông tin được tổng hợp và thể hiện qua một số hình thái cụ thể. Những thông tin này cần được sắp xếp và tái cấu trúc để chúng ta có thể tiếp cận, tra cứu và mang lại lợi ích cao nhất. Nguồn lực CNTT là một khái niệm khá gần gũi với các đối tượng khai thác công nghệ để phục vụ kinh doanh. Xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn của DN có thể cải tiến sản phẩm với công nghệ tự động hóa, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ (Bahadirovna, 2022).

Nhờ có CNTT, tiềm năng để khai phá của DN cũng ngày càng tăng lên, song song với việc giảm bớt được những khoản tiền phát sinh khi bán sản phẩm và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tăng cường năng lực quản trị và sản xuất, dùng vốn cùng với cải cách DN, nâng tầm giá trị của DN trong thị trường. Nguồn lực CNTT không chỉ là cầu nối giữa các DN và giúp giải quyết những vấn đề phát sinh mà chúng còn là phương tiện giao tiếp trong môi trường kế toán và tạo ra định hướng xử lý dữ liệu một cách tốt nhất có thể (Phung & Le, 2013).

H2: Nguồn lực CNTT có ảnh hưởng theo chiều dương đến công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP

Nhà lãnh đạo cũng cần lưu tâm đến sự hợp tác trong dài hạn với các cung cấp nhằm phát huy uy thế khi cạnh tranh trong tương lai khi thị trường bão hòa. Mối quan hệ có cơ sở tốt và bền vững này có thể giúp ổn định hoạt động của DN, mang tới ích lợi tài chính bởi DN không cần bỏ thêm tiền để liên tục lựa chọn nhà cung cấp mới, hơn thế nữa là rủi ro vì không hiểu về quy trình hoạt động hoặc sản phẩm có chất lượng ra sao từ nguồn cung cấp mới. Nhà tư vấn ERP chủ yếu phải tìm hiểu, khảo sát và đưa ra lời khuyên cho DN về ERP. Họ mang sự nhìn nhận thấu đáo về cách thức tổ chức và cần đào sâu vào cách thức khách hàng điều hành hoạt động kinh doanh để vạch ra hướng đi và mô hình tổng quan phù hợp (Nguyen, 2013).

Dựa trên mô hình mà các chuyên gia tư vấn ERP đã vạch ra, đội nhóm kỹ thuật sẽ triển khai các phân hệ chức năng cho phù hợp. Những người tư vấn khác nhau được xem là “cầu nối” giữa các đối tác triển khai giải pháp và các DN đầu tư ứng dụng để đưa dự án đến thành công. Có thể nói, họ luôn là người mang trên mình một nhiệm vụ giải quyết những vấn đề vô cùng nan giải của DN (Le & Nguyen, 2019).

H3: Năng lực của các chuyên gia tư vấn và nhà cung cấp ERP có ảnh hưởng theo chiều dương đến công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP

Đội nhóm ERP là sự kết hợp của nhiều người, tạo ra những sự hỗ trợ cần thiết cho những nhà quản lý đứng đầu, người thực hiện dự án hay những nhóm khác trong DN nhằm đạt được các

mục tiêu. Đội nhóm này bao gồm cả người quản lý dự án, người sẽ tiến hành các nhiệm vụ cho tới lúc dự án kết thúc và thu được kết quả. Trong khi đó, các thành viên khác có thể được thay đổi linh hoạt tùy thuộc vào hoàn cảnh trong suốt thời gian thực hiện dự án (Thai & Doan, 2019).

Các tính chất của nhóm dự án ERP thiết yếu hơn vì sự sáng tạo, đồng nhất, quyết đoán và suy ngẫm mà họ đã phát triển và học hỏi theo thời gian. Nhóm dự án đưa các quy trình dự án vào hành động dựa trên những gì ban quản lý yêu cầu họ làm. Điều này đảm bảo rằng các dự án của DN được tập trung đủ ở các giai đoạn tính toán (Thai & Doan, 2019).

H4: Đặc điểm đội dự án ERP có ảnh hưởng theo chiều dương đến công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP

DN triển khai ERP dựa vào các thuật toán và công thức để tạo ra kết quả thực sự, và các chiến lược quy mô lớn sẽ được tạo ra nhờ công nghệ mới này. Hơn nữa, việc triển khai cũng tạo nên nguồn lợi nhuận đáng kể cho các DN có rủi ro hoặc thấp; Các DN sẵn sàng ứng biến các kịch bản rủi ro trong ERP để có được những cách thức đối phó khi các rủi ro này đến một cách bất ngờ (Nguyen, 2013).

DN có hiệu suất tốt trong các biện pháp tạo nên tính hiệu quả khi giải quyết các nhiệm vụ của nhân viên. Các DN có vị thế tài chính tốt cũng ảnh hưởng đến môi trường DN. DN cũng kiểm soát chất lượng dự án đầu ra cũng như khả năng mang lại lợi ích để tạo ra các dự án thành công (Huynh & Luu, 2022).

H5: Đặc điểm của DN triển khai ERP có ảnh hưởng theo chiều dương đến công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP

Thông thường, thông tin tài chính sẽ được tập hợp số liệu từ nhiều bộ phận trong DN nên sự chênh lệch chắc chắn sẽ xảy ra. Một khi ERP được sử dụng, thông tin về tài chính hay các thông tin liên quan được tổ chức như một hệ thống có trình tự - thứ mà có thể được tìm kiếm, sử dụng dễ dàng bởi mọi nhánh nhỏ trong tổ chức. Ngay cả lúc có một lượng dữ liệu nhỏ được thay đổi, tất cả các con số khác đều được tự động tính toán và hiển thị lại cho trùng khớp, khiến cho chi phí, thời gian, nhân lực được tiết kiệm một cách đáng kể.

H6: Đặc điểm của hệ thống ERP có ảnh hưởng theo chiều dương đến công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP

3. Phương pháp nghiên cứu

Bảng khảo sát xây dựng có các phần câu hỏi thông tin và có 06 yếu tố độc lập để tính toán mức độ ảnh hưởng của 06 yếu tố độc lập và 01 yếu tố phụ thuộc. Sử dụng thang đo Likert gồm 5 mức độ từ thấp (1) đến cao (5). Mẫu tối thiểu cần đạt được theo Tabachnick, Fidell, và Ullman (2013) là $50 + 8 * m$ (m: số biến độc lập). Nhằm thu kích thước mẫu tối thiểu, tác giả đã gửi 210 bảng câu hỏi cho quản lý cấp cao, cấp trung và kế toán viên của các DN logistics tại Việt Nam. Hình thức là qua gửi thư điện tử có chứa liên kết đến bảng câu hỏi được xây dựng bằng công cụ Google Biểu mẫu đến các cá nhân đang công tác ở bộ phận kế toán tại các DN logistics. Kết quả nhận được 205 phiếu khảo sát và 13 phiếu phỏng vấn các chuyên gia và trong đó có 05 phiếu khảo sát không hợp lệ. Do đó, số lượng mẫu đưa vào mô hình phân tích là 200 mẫu.

Thừa hưởng từ nghiên cứu trước đó (Nguyen, 2019), tác giả đưa ra mô hình nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới công tác kế toán tại DN logistics khi ứng dụng ERP.

$$TC = \beta_0 + \beta_1 * X1 + \beta_2 * X2 + \beta_3 * X3 + \beta_4 * X4 + \beta_5 * X5 + \beta_6 * X6 + \delta \quad (1)$$

Trong đó:

$\beta 0$: Hằng số

X1: Cam kết hỗ trợ quản lý cấp cao

X2: Nguồn lực CNTT

X3: Năng lực của các nhà tư vấn và nhà cung cấp ERP

X4: Đặc điểm của đội nhóm ERP

X5: Đặc điểm của DN

X6: Đặc điểm ERP

TC : Công tác kế toán tại DN logistics khi ứng dụng ERP

δ : Sai sót, yếu tố không thể quan sát được

4. Kết quả nghiên cứu

Mọi biến định tính của cuộc khảo sát, bao gồm thông tin của các đối tượng tham gia và thông tin kinh doanh, đã được phân tích thống kê và tập hợp, cuối cùng thu được dữ liệu về mức độ khuếch tán trong tất cả các thành phần. Kết quả khảo sát được thu thập, chứng minh rằng kết quả khảo sát không bị bất kỳ yếu tố hoặc biến số đặc biệt nào tác động trong việc xác định các yếu tố tác động tới DN sử dụng ERP. Các kết quả chi tiết được trình bày dưới đây trong Bảng 1.

Bảng 1

Tóm tắt kết quả thống kê mô tả các biến định tính

Loại	Tỷ lệ
Vị trí của người trả lời tại doanh nghiệp	
Quản lý cao cấp (Giám đốc, phó giám đốc, giám đốc điều hành, ...)	35%
Quản lý cấp trung	44%
Nhân viên kế toán	21%
Quy mô DN	
Lớn	35%
Trung bình	43%
Nhỏ	22%
Học vấn của kế toán viên	
Sau đại học	32%
Đại học	52%
Cao đẳng	20%
Trung cấp	4%
Hiểu ERP trong công tác kế toán hiện tại?	
Biết rõ toàn bộ	45%
Hiểu đầy đủ chưa toàn bộ	38%
Hiểu cơ bản	17%
Ứng dụng hệ thống ERP nào?	
SAP	43%
Oracle	38%
Microsoft	19%

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Xét về vị trí việc làm, Quản lý cao cấp chiếm 35%, Quản lý cấp trung chiếm 44%, nhân viên kế toán chiếm 21%. Tương tự, về quy mô DN, các DN lớn chiếm 22%, tiếp theo là DN vừa chiếm 43%, và cuối cùng là DN nhỏ 30.5%. Trình độ của kế toán viên cũng được phân bổ đều: kế toán sau đại học chiếm 32%, đại học chiếm 52%, cao đẳng chiếm 20% và kế toán trung cấp chiếm 4%. Về mặt hiểu biết ERP trong công tác kế toán hiện tại, đa số những người được hỏi (45%) nhận thức được nó toàn bộ, 38% hiểu đầy đủ nhưng chưa toàn bộ và 17% hiểu nó cơ bản. Phần mềm ERP đang được triển khai hoặc đã được sử dụng SAP 43%, 38% sử dụng Oracle và 19% sử dụng Microsoft.

Bảng 2

Đánh giá mức độ liên quan của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Sai số	Durbin-Watson
1	0.656 ^a	0.612	0.586	0.3134	2.034

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Bảng 3

Phân tích hồi quy ANOVA

Mô hình	Tổng bình phương	df	Ý nghĩa bình phương	F	Hệ số Sig.
1					
Hồi quy	26.31	6	4.526	47.570	0.000 ^b
Giá trị thặng dư	17.015	194	0.093		
Tổng	43.325	200			

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Bảng 4

Kết quả kiểm định hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số tiêu chuẩn hóa	Hệ số t	Hệ số Sig.	Thống kê cộng gộp	
	B	Lỗi ước tính	Beta			Trọng tải	Hệ số VIF
1							
(Constant)	0.095	0.228		0.417	0.677		
CKHT	0.138	0.050	0.221	4.134	0.000	0.977	1.013
NLTV	0.193	0.027	0.336	7.243	0.000	0.956	1.031
CNTT	0.134	0.028	0.218	4.321	0.000	0.991	1.034
DDERP	0.124	0.031	0.282	6.435	0.000	0.985	1.053
DDDĐ	0.243	0.041	0.263	5.452	0.000	0.968	1.052
DDDA	0.205	0.026	0.325	7.336	0.000	0.943	1.021

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

$$\text{TC} = 0.336 * \text{NLTV} + 0.325 * \text{DDDA} + 0.282 * \text{DDERP} + 0.263 * \text{DDDN} + 0.221 * \text{CKHT} + 0.218 * \text{CNTT} \quad (2)$$

Khi các DN logistics sử dụng ERP tại Việt Nam với tỷ lệ tác động cao nhất của yếu tố này chiếm 20.43%. Trên thực tế, tác động tiếp theo đến môi trường tại các DN logistics có sự can thiệp của yếu tố này. Theo mẫu kết quả kiểm tra, kết quả này có tác động gia tăng đến các DN logistics trong công tác kế toán.

Yếu tố ảnh hưởng mạnh tiếp theo là khả năng của các chuyên gia tư vấn và nhà cung cấp ERP với tỷ lệ tác động 19.76%. DN muốn có một hệ thống logistics tốt phải kể đến các hạng mục kế toán. Điều này cũng tính đến chi phí, doanh thu cũng như rủi ro và các khoản mục thặng dư khi DN góp vốn vào các dự án.

Đặc điểm của ERP có tác động mạnh thứ 3 với tỷ lệ tác động 17.14%. Các đơn vị đã chứng minh được đặc thù của ERP có ảnh hưởng đáng kể tới tỷ lệ logistics. ERP mang lại cho DN hiệu quả trong kế toán và kiểm tra tất cả các giá trị chi phí.

Yếu tố ảnh hưởng thứ 4 là Đặc điểm DN với tỷ lệ tác động 15.99%. Các DN logistics ở Việt Nam đều có những đặc điểm riêng, từ yếu tố này để kiểm chứng kết quả tương ứng, đã giải thích các mô hình biến đổi có liên quan từ đầu mỗi chính của DN.

Cam kết của các nhà quản lý cao cấp có ảnh hưởng lớn thứ 5 với tỷ lệ tác động 13.43%. Thực tiễn cũng cho thấy rằng tất cả các quản lý lãnh đạo là vô cùng quan trọng đối với một hệ thống kế toán. Do đó, việc công nhận các nhiệm vụ kế toán này là cấp bách đối với tác động từ chính người quản lý đến DN.

Yếu tố ít ảnh hưởng nhất là nguồn lực CNTT với tỷ lệ tác động 13.25%; Các DN logistics mỗi nơi đều có đặc điểm riêng biệt nên cần phải chuẩn bị nguồn lực CNTT phù hợp với loại hình DN của mình để có hệ thống vận hành hiệu quả và thành công nhất.

Giả thuyết H1: Cam kết của quản lý cấp cao trong việc hỗ trợ có ảnh hưởng theo chiều dương tới tổ chức kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP. Dữ liệu từ phân tích cho thấy đây là yếu tố có giá trị thống kê và có hệ số hồi quy là 0.221. Việc chấp nhận giả thuyết này phù hợp với các nghiên cứu của Nguyen (2019); Nguy và Pham (2013); Plant và Willcocks (2007). Tại Việt Nam, sử dụng ERP chưa bao giờ được coi là điều dễ dàng; do đó, DN logistics ở Việt Nam phải cân nhắc lợi ích của việc sử dụng ERP so với việc không sử dụng nó, liệu lợi ích mà DN thu được từ ứng dụng ERP có lớn hơn chi phí triển khai hay không. Hơn nữa, nếu các nhà lãnh đạo tại các DN logistics ở Việt Nam tin rằng ích lợi từ việc triển khai một hệ thống ERP tiên tiến lớn hơn rủi ro, thì họ có nhiều khả năng triển khai công nghệ hơn. Cam kết từ những người lãnh đạo là động lực giúp cho nhân viên áp dụng các công nghệ mới (Ali, Rahman, & Ismail, 2012). Điều này cũng ngụ ý rằng mức độ cam kết cũng như thái độ của quản lý DN trong việc áp dụng ERP và tìm cách để chắc chắn rằng lực lượng lao động của họ sử dụng các công nghệ có tác động khá lớn lao trong việc áp dụng.

Giả thuyết H2: Nguồn lực CNTT có ảnh hưởng theo chiều dương tới tổ chức kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP. Dữ liệu từ phân tích cho thấy đây là yếu tố có giá trị thống kê và có hệ số hồi quy là 0.218. Việc chấp nhận giả thuyết này phù hợp với nghiên cứu của Mahraz và cộng sự (2020). Tại Việt Nam, khi DN sử dụng triệt để CNTT trong công việc, chắc chắn những nguồn lực đó có giá trị nhất định cho DN, và DN nào tận dụng lợi thế của công nghệ phải nhận ra sự liên quan giữa việc sử dụng và hiệu quả của nó. Như vậy, nếu ERP được khai thác tốt trong thị trường kinh doanh, cụ thể là các DN logistics thì càng có thể mang đến những hiệu quả lớn lao, thách thức các công ty đối thủ cũng như đem lại sự bền vững lâu dài (Al-Okaily, Alqudah, Matar, Lutfi, & Taamneh, 2020).

Giả thuyết H3: Năng lực của các nhà tư vấn và nhà cung cấp ERP có ảnh hưởng theo chiều dương tới công tác kế toán khi các công ty logistics áp dụng ERP. Phân tích số liệu cho thấy đây là yếu tố có giá trị thống kê với hệ số hồi quy là 0.336. Việc chấp nhận giả định này phù hợp với nghiên cứu. Hiện tại ở Việt Nam, các nhà tư vấn và nhà cung cấp hiệu quả sẽ khiến ERP phát triển có nền tảng, giảm số tiền bỏ ra để tìm nhà cung cấp mới và khả năng không may xảy ra khi không biết cách thức hợp tác.

Giả thuyết H4: Nhóm dự án ERP đặc trưng cho có ảnh hưởng theo chiều dương tới công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP. Yếu tố này mang trên mình ý nghĩa là thống kê và có hệ số hồi quy là 0.325. Đội nhóm ERP rất quan trọng bởi sự sáng tạo, đồng nhất và quyết đoán và sự suy ngẫm được hình thành và học hỏi theo thời gian. Ngoài ra, nhóm dự án tiến hành trình tự dự án dưới sự dẫn dắt của ban quản lý, vì vậy các dự án của DN tập trung đủ ở các giai đoạn tính toán (Zhang, Zhang, Gong, Dinçer, & Yüksel, 2022).

Giả thuyết H5: Đặc điểm của DN triển khai ERP có ảnh hưởng theo chiều dương tới công tác kế toán của DN logistics khi ứng dụng ERP. Yếu tố này cho mình ý nghĩa là thống kê và có hệ số hồi quy là 0.263. Hiện nay, các DN logistics ở Việt Nam triển khai ERP dựa trên các thuật toán và công thức để tạo ra hiệu quả thực sự, các chiến lược tầm cỡ sẽ được tạo ra nhờ công nghệ mới này. Hơn nữa, nếu DN quan tâm đến ERP tại DN mà họ triển khai cũng tạo ra nguồn lợi nhuận khổng lồ cho các DN có rủi ro thấp không đáng kể.

5. Kết luận và hàm ý

Với sáu yếu tố ban đầu được đặt ra, sau khi phân tích và lựa chọn thông qua phần mềm SPSS, sáu yếu tố ban đầu đã được chấp nhận và tác giả đã thử nghiệm các biến quan sát được đưa ra là thích hợp với quy mô nghiên cứu. Hoạt động kế toán tại các DN logistics và công tác đảm bảo ứng dụng đi đôi với sự tiến bộ của thời đại CNTT. Hơn nữa, sự phát triển công tác kế toán cần chắc chắn ứng dụng chuyên nghiệp đầy đủ.

Một số kiến nghị được tác giả đưa ra:

Đặc điểm của nhóm dự án ERP: Dự án ứng dụng ERP phải có các thành viên quan trọng của toàn tổ chức và từ tất cả các cấp cao hơn gia nhập, chẳng hạn như giám đốc điều hành, nhà quản lý, chuyên viên thuộc mọi bộ phận, nhân viên CNTT, ... liên quan đến triển khai hoặc tùy chỉnh hệ thống.

Năng lực của các nhà tư vấn và cung cấp ERP: Muốn có được các kiến thức về ERP cho tổ chức, các chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong việc ứng dụng phần mềm ERP trong đúng chuyên môn của họ có vai trò vô cùng lớn lao. Nhà tư vấn tài ba sẽ đưa ra những cách thức linh hoạt dựa trên vốn kiến thức và khả năng của họ khi tiến hành đa dạng các tình huống có lợi cho DN.

Đặc điểm của hệ thống ERP: Hiểu mục đích hình thành nên hệ thống ERP và lý do mà DN thiết lập chúng; tái cấu trúc để tối ưu hóa hệ thống ERP; liên tục đổi mới và nâng cấp; đào tạo đội ngũ nhân viên cách thao tác hệ thống sao cho tương thích với nhu cầu sử dụng; Áp dụng bảng chỉ số và báo cáo tùy chỉnh để khai thác một cách triệt để.

Đặc điểm của DN triển khai ERP: Nắm rõ các kế hoạch của doanh nghiệp; đặt kỳ vọng thực tế; làm công tác tư tưởng cho lực lượng lao động về những chuyển đổi có thể xảy ra; giảm thiểu những thao tác dư thừa khi DN hoạt động kinh doanh; đặt giới hạn khi tùy chỉnh phần mềm.

Cam kết hỗ trợ quản lý cấp cao: Cam kết từ bộ máy lãnh đạo với sự thực hiện của kế toán viên có nhiệm vụ cam kết nhất định và yêu cầu sự kịp thời, hợp pháp, chính xác trong chứng từ, sổ sách kế toán, giấy tờ thanh toán, bảng cân đối kế toán, bảo hiểm, báo cáo tài chính hay các khoản nợ.

Nguồn lực CNTT: DN yêu cầu phải cung cấp đủ thiết bị, phương tiện kỹ thuật, thông tin về máy tính cho kế toán viên có thể thao tác đúng với các chương trình trên thiết bị từ đó triển khai tốt các hoạt động trong nhiệm vụ của họ.

Bên cạnh những điều có tính khai phá và giá trị thực tiễn, bài viết cũng có một vài hạn chế. Một điểm cần xem xét là thuật ngữ ERP tương đối mới và nó tạo ra các cản trở khi thực hiện khảo sát. Những nghiên cứu về sau có thể tạo ra các chú thích và giải thích được tích hợp vào cuộc khảo sát để nâng cao hiểu biết và làm cho các thuật ngữ dễ hiểu hơn. Sau đó, nghiên cứu được lấy mẫu ở tất cả các DN ở Việt Nam, nhưng chủ yếu thu được kết quả ở thành phố Hồ Chí Minh cùng với những khu vực quan trọng lân cận, điều này cũng là hạn chế trong khung thời gian ngắn. Tác giả hy vọng rằng việc tiếp cận chủ đề sẽ được phát triển ở phạm vi lớn hơn trong những năm tới dựa vào sự đưa tin của các phương tiện truyền thông đáng tin cậy.

Tài liệu tham khảo

- Ali, A., Rahman, M. S. A., & Ismail, W. (2012). Predicting continuance intention to use accounting information systems among SMEs in Terengganu, Malaysia. *International Journal of Economics and Management*, 6(2), 295-320.
- Al-Okaily, M., Alqudah, H., Matar, A., Lutfi, A., & Taamneh, A. (2020). Dataset on the acceptance of e-learning system among universities students' under the Covid-19 pandemic conditions. *Data in brief*, 32, Article 106176.
- Bahadirovna, S. D. (2022). *Enrich educational content through multimedia resources using digital technologies*. Paper presented at the International Conference on Humanities, Education and Sciences, Los Angeles, California, USA.
- Huynh, G. T. T., & Luu, D. T. (2022). The effect of internal corporate social responsibility practices on firm performance: The mediating role of employee intrapreneurial behaviour. *Review of Managerial Science*, 16(4), 1035-1061.
- Le, M. T. N., & Nguyen, T. T. T. (2019). Đào tạo nhân lực kế toán kiểm toán đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 [Training accounting and auditing human resources to meet the requirements of the industrial revolution 4.0]. *Nghiên cứu và đào tạo kế toán, kiểm toán*, 196-206.
- Mahraz, M. I., Benabbou, L., & Berrado, A. (2020). A compilation and analysis of critical success factors for the ERP implementation. *International Journal of Enterprise Information Systems (IJEIS)*, 16(2), 107-133.
- Nguy, H. T., & Pham, T. Q. (2013). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của dự án ERP tại Việt Nam [Factors affecting the success of ERP projects in Vietnam]. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 16(2), 57-66.
- Nguyen, B. T. (2019). Factors affecting the application of ERP system in the management of enterprises manufacturing in Vietnam industrial zones. *International Journal of Business and Social Science*, 10(2), 149-155.
- Nguyen, H. T. L. (2021). *Nghiên cứu mối quan hệ giữa cam kết nhà quản trị cấp cao, các hoạt động quản trị nhân sự và cam kết với tổ chức của người lao động tại các công ty may Việt Nam [Study the relationship between senior management engagement, human resource management activities and employee organization engagement at Vietnamese garment companies]*. Truy cập ngày 10/01/2023 tại <https://dlib.neu.edu.vn/handle/NEU/1460>

- Nguyen, T. B. (2013). Factors affecting the application of ERP system to enterprises in Danang City. *The University of Danang-Journal of Science and Technology*, 11(72), 69-75.
- Nguyen, T. N. (2010). Gắn quản trị nhân sự với trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp [Aligning human resource management with corporate social responsibility]. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh*, 26(4), 232-238.
- Nguyen, T. T. M. (2021). Ảnh hưởng của hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) đến kế toán quản trị trong các doanh nghiệp tại TP. HCM [The impact of enterprise resource planning (ERP) systems on management accounting in businesses in Ho Chi Minh City]. Truy cập ngày 10/01/2023 tại <https://digital.lib.ueh.edu.vn/handle/UEH/62651>
- Pabustan, S. I. D., Muldong, M. A. M., Yusi, D. T., Tan, K. M. D., Talplacido, E. P., Zuñiga, J. M. B., & Jocson, J. C. (2021) Analyzing the impact of Enterprise Resource Planning (ERP) application to the business operations in SIA engineering (Philippines) corporation. *International Journal of Progressive Research in Science and Engineering*, 2(10), 45-49.
- Phung, N. X., & Le, Q. (2013). Đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam [Innovation of Vietnamese enterprises]. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, 29(4), 1-11.
- Plant, R., & Willcocks, L. (2007). Critical success factors in international ERP implementations: A case research approach. *Journal of Computer Information Systems*, 47(3), 60-70.
- Purwanti, Y., Nurhayati, N., & Fauzi, T. H. (2021). Marketing competency of traditional market traders in panorama lembang market west bandung district. *Journal of Economic Empowerment Strategy (JEES)*, 4(1), 24-31.
- Tabachnick, B. G., Fidell, L. S., & Ullman, J. B. (2013). *Using multivariate statistics* (Vol. 6, pp. 497-516). Boston, MA: Pearson.
- Thai, P. K., & Doan, H. P. (2019). Assessing the organizational readiness for implementing BI systems in ERP environment. *VNUHCM Journal of Economics, Business and Law*, 3(1), 58-67.
- Trinh, T. B., Nguyen, G. H., Pham, A. T. V., & Bui, K. T. H. (2020). Tài chính số-cơ hội và thách thức đối với thị trường tài chính VN số 18 tháng 9 năm 2020 [Digital finance - opportunities and challenges for Vietnam's financial market No. 18 September 2020]. Truy cập ngày 10/01/2023 tại <https://dlib.neu.edu.vn/handle/NEU/29849>
- Zhang, Y., Zhang, Y., Gong, C., Dinçer, H., & Yüksel, S. (2022). An integrated hesitant 2-tuple Pythagorean fuzzy analysis of QFD-based innovation cost and duration for renewable energy projects. *Energy*, 248, Article 123561.

